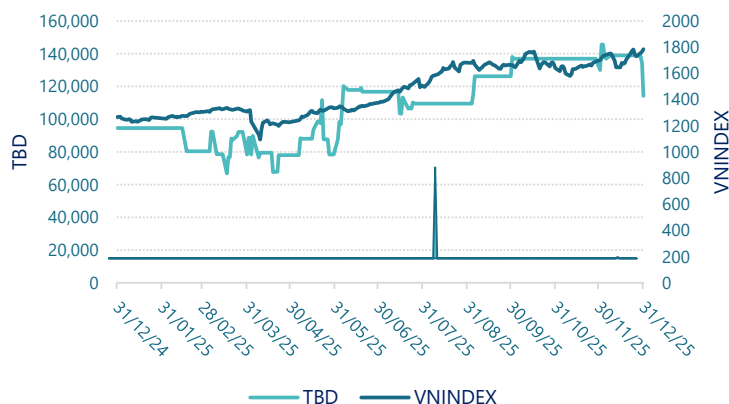


Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - CTCP (UPCOM: TBD)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	114,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	145,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	66,824
SL cổ phiếu LH	32,418,392
KLGD BQ 20 phiên (CP)	155
% sở hữu nước ngoài	4.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,702
P/E	17.0
EPS	6,735

DT thuần

Q4/25

1,320

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 814 | 161%

YoY: ▲ 95.0 | 7.7%

LN sau thuế

Q4/25

101

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 72.7 | 258%

YoY: ▲ 19.0 | 23.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

9.8%

+/- YoY: ▲ 0.6%

DT thuần

2025

2,914

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 665 | 29.6%

LN sau thuế

2025

218

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 74.0 | 51.4%

ROE

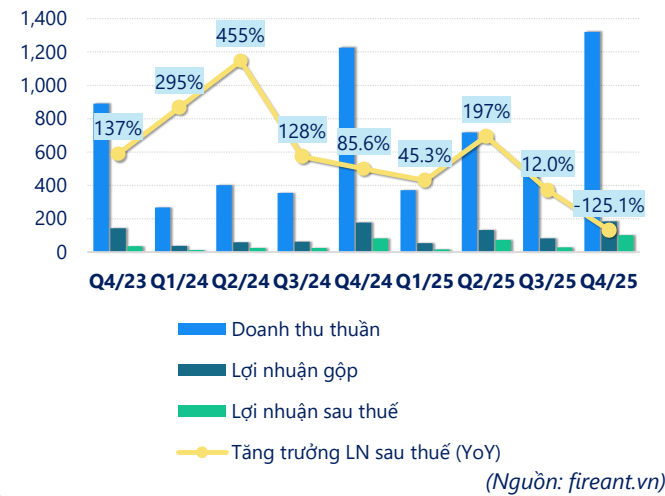
2025

32.3%

+/- YoY: ▲ 7.6%

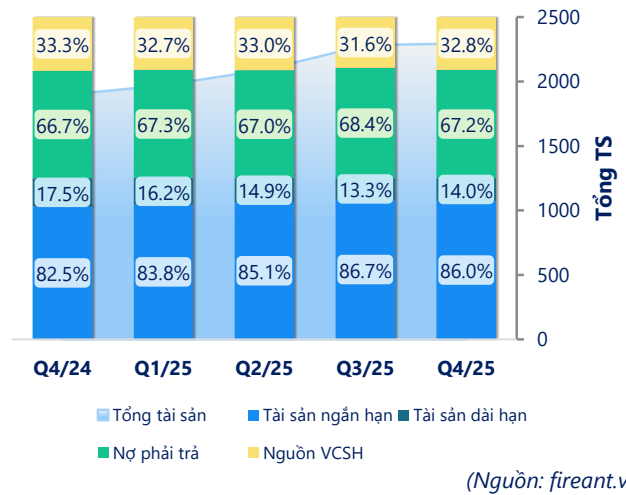
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

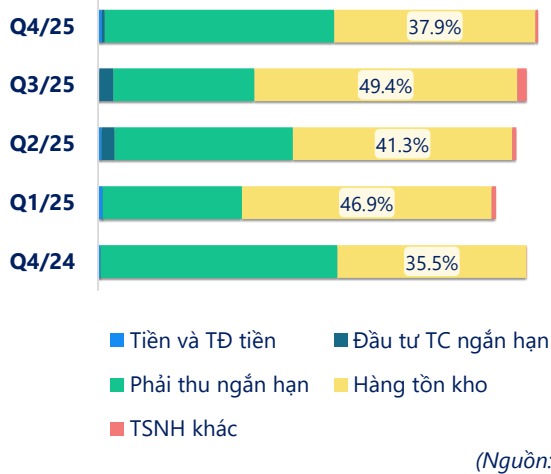


Cơ cấu Tổng tài sản

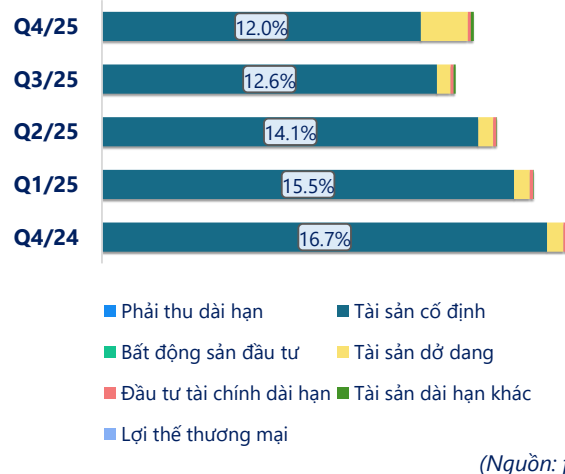
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

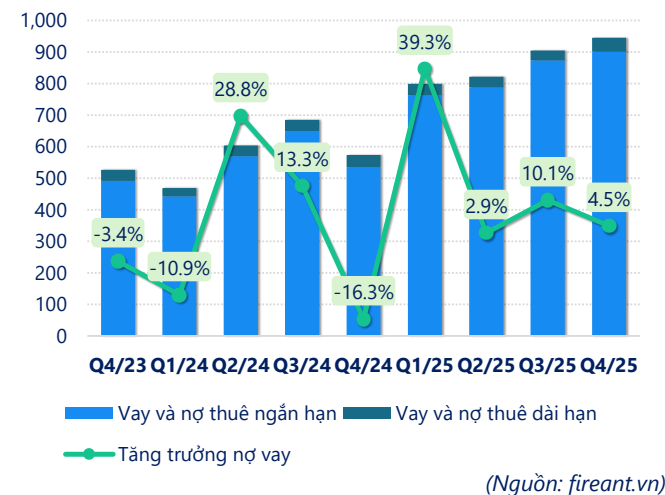


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



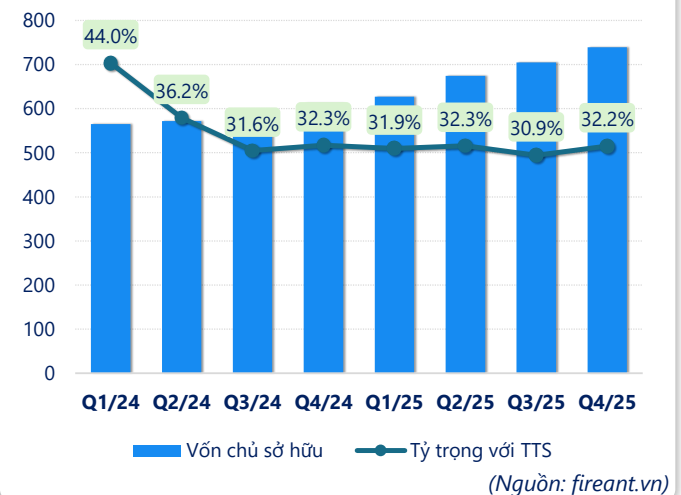
tỷ VNĐ

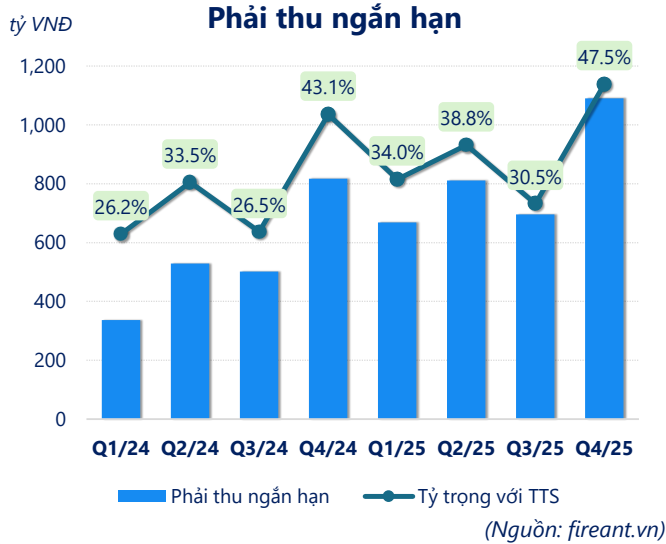
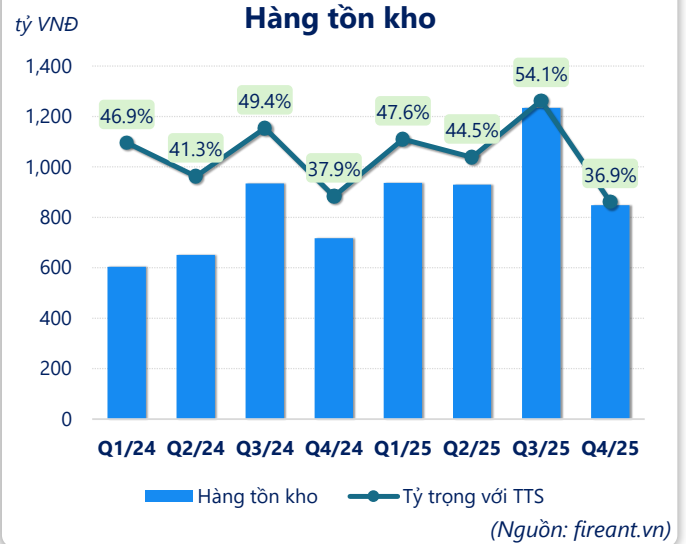
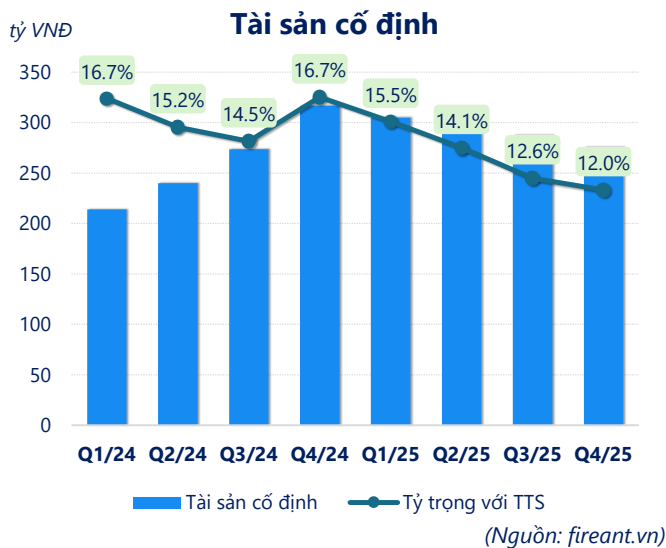
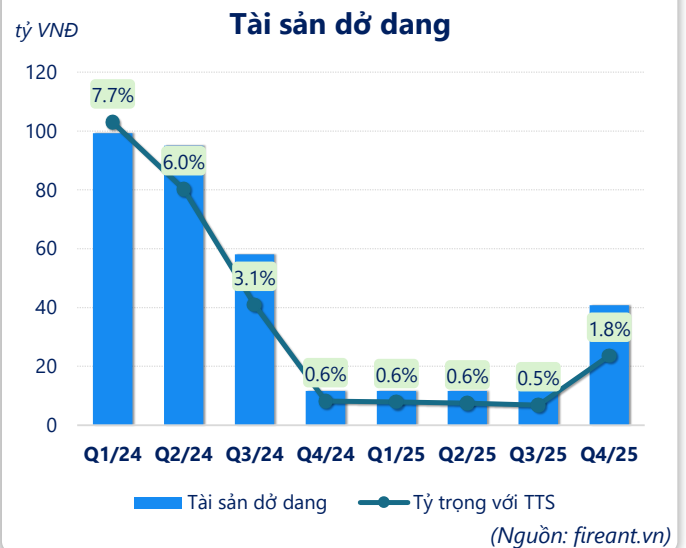
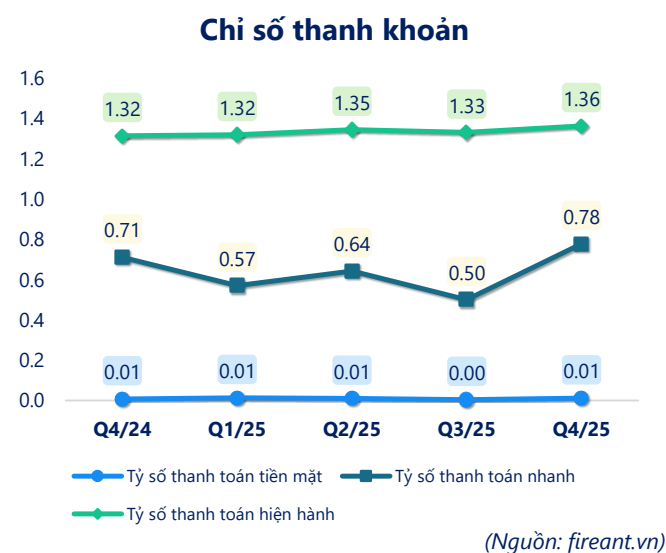
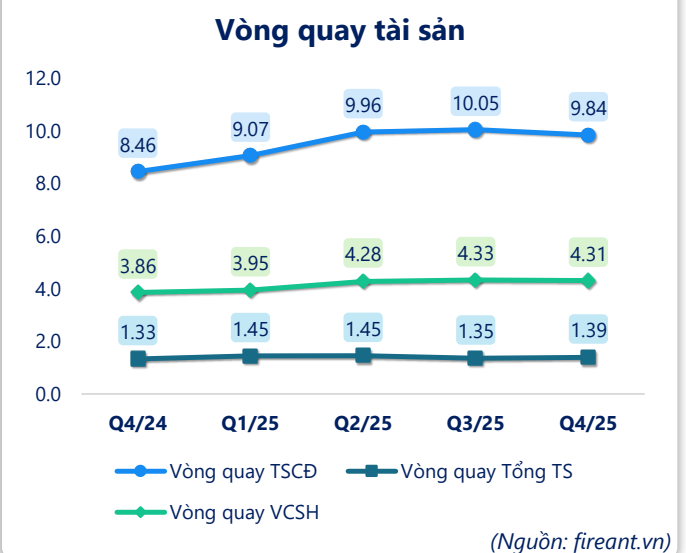
Nợ vay



tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,894	1,969	2,090	2,281	2,296
Tài sản ngắn hạn	1,562	1,650	1,779	1,977	1,975
Tiền và tương đương tiền	8.51	16.7	13.0	6.01	16.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.1	0.11	0.11	0.11	0.08
Phải thu ngắn hạn	817	669	811	696	1,090
Hàng tồn kho	717	937	930	1,234	848
Tài sản ngắn hạn khác	9.32	27.2	26.0	41.4	20.6
Tài sản dài hạn	332	320	310	303	321
Phải thu dài hạn	0.24	0.23	0.24	0.03	0.02
Tài sản cố định	317	305	296	287	275
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	11.7	11.7	11.7	11.7	40.7
Đầu tư tài chính dài hạn	2.50	2.50	2.50	2.50	2.50
Tài sản dài hạn khác	0.47	0.38	0.41	1.87	2.47
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,263	1,325	1,399	1,560	1,542
Nợ ngắn hạn	1,188	1,249	1,322	1,485	1,448
Vay và nợ thuê ngắn hạn	535	763	788	874	900
Phải trả người bán ngắn hạn	365	276	228	281	281
Nợ dài hạn	75.7	75.5	76.9	75.6	94.1
Vay và nợ thuê dài hạn	38.7	35.8	33.8	31.0	44.7
Nguồn vốn chủ sở hữu	630	644	691	720	754
Vốn chủ sở hữu	612	627	674	705	739
Vốn điều lệ	325	325	325	325	325
Kinh phí và quỹ khác	18.3	17.2	16.5	15.9	15.0

(Nguồn: fireant.vn)